

THÔNG BÁO

Về việc lựa chọn tổ chức đấu giá các căn hộ của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – công ty cổ phần tại dự án Nhà ở cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ Eco Lakeview, 32 Đại Từ, Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016;

Căn cứ Nghị quyết số 26NQ/HĐQT ngày 21/02/2022 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – công ty cổ phần về việc phê duyệt phương án bán và giá khởi điểm các căn hộ của Tổng công ty tại Dự án Nhà ở cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ Eco Lakeview, 32 Đại Từ, Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội;

Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – công ty cổ phần thông báo lựa chọn tổ chức đấu giá các căn hộ của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – công ty cổ phần tại dự án Nhà ở cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ Eco Lakeview, 32 Đại Từ, Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội, cụ thể như sau:

1. Tên, địa chỉ người có tài sản đấu giá:

- Tên công ty: Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – công ty cổ phần
- Địa chỉ: số 127 phố Lò Đúc, phường Đồng Mác, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

2. Tài sản đưa ra đấu giá:

- Đấu giá từng căn hộ trong 98 căn hộ của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – công ty cổ phần tại Tòa nhà HH02 và HH03 thuộc dự án Nhà ở cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ Eco Lakeview, 32 Đại Từ, Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội; Tổng diện tích 98 căn hộ là: 7.893 m².

(Có Phụ lục chi tiết thông tin tài sản và giá khởi điểm 98 căn hộ tại kèm theo)

3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản:

Mọi tổ chức bán đấu giá đều được tham gia theo tiêu chí dưới đây:

- Phải có đầy đủ các tiêu chí theo quy định tại khoản 4 điều 56 Luật đấu giá tài sản ngày 17/11/2016 và các văn bản khác có liên quan; các tiêu chí khác do Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam- CTCP quy định cụ thể: Các tổ chức đấu giá tài sản có nhu cầu nộp hồ sơ đăng ký và Tổ chức đấu giá phải đáp ứng những tiêu chí sau:

- a) Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố;

b) Cơ sở vật chất:

- Có cơ sở vật chất đảm bảo để phục vụ cuộc đấu giá và các thiết bị phụ trợ cần thiết như: loa đài, ánh sáng, điều hòa, quạt, bàn ghế, nước uống,... Dù điều kiện để tổ chức cuộc đấu giá; có phương án thực hiện các biện pháp phòng chống Covid-19 theo quy định.

- Đơn vị đấu giá phải có ít nhất 3 đấu giá viên trở lên tham gia tổ chức đấu giá. Trong đó các đấu giá viên phải có chứng chỉ hành nghề đấu giá theo quy định, có kinh nghiệm điều hành đấu giá tài sản từ 1 năm trở lên.

c) Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả: Tư vấn phương án đấu giá khả thi, hiệu quả và có thời gian ngắn nhất để cuộc đấu giá đạt được kết quả tốt nhất có thể.

d) Đề xuất phương án giải quyết phát sinh trước, trong và sau phiên đấu giá.

e) Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá: Doanh nghiệp phải hoạt động đấu giá trên địa bàn Hà Nội ít nhất là 03 năm kinh nghiệm điều hành thực tế.

f) Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp.

4. Hồ sơ đăng ký:

a) Hồ sơ năng lực của tổ chức theo quy định.

+ Đối với tổ chức lần đầu đăng ký phải xuất trình giấy tờ chứng minh về trụ sở của doanh nghiệp đấu giá tài sản, Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Chứng chỉ hành nghề đấu giá của chủ doanh nghiệp đấu giá tư nhân, Chứng chỉ hành nghề đấu giá của thành viên hợp danh, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của công ty đấu giá hợp danh; Các Hợp đồng bán đấu giá căn hộ chung cư hoặc quyền sử dụng đất đã thực hiện.

+ Bản cam kết bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết cho hoạt động đấu giá tài sản.

b) Văn bản đề nghị được thực hiện cuộc đấu giá tài sản.

c) Phương án đấu giá khả thi và thù lao dịch vụ đấu giá.

d) Đề xuất phương án giải quyết phát sinh trước, trong và sau phiên đấu giá

e) Dự toán chi phí tổ chức thực hiện cuộc đấu giá.

5. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký của các tổ chức đấu giá.

a) Thời gian: Từ ngày ra thông báo đến 10 giờ 00 phút, ngày 08 / 03 /2022.

b) Địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá:

- Địa điểm nộp hồ sơ đăng ký: tại văn phòng Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – công ty cổ phần – Tầng 14, Tòa nhà Vinafor, số 127 phố Lò Đúc, phường Đồng Mác, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

- Điện thoại: 0204.36410799/143

c) Hình thức nộp hồ sơ: Nộp trực tiếp hoặc nộp qua đường bưu điện.

- Tổ chức tham gia nộp hồ sơ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính trung thực của hồ sơ, giấy tờ cung cấp.

- Hồ sơ đăng ký được gửi đến Tổng công ty sau thời hạn trên sẽ không được xem xét và bị loại bỏ

- Không hoàn trả hồ sơ nộp đăng ký.

Lưu ý: Yêu cầu cung cấp bản sao có chứng thực để chứng minh các tiêu chí.

Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần thông báo đến các tổ chức đầu giá tài sản đủ năng lực và tư cách pháp nhân được biết để đăng ký tham gia./.

Nơi nhận:

- HĐQT (đề b/c);
- Tổng giám đốc;
- Các Phó Tổng giám đốc;
- Ban quản lý và kinh doanh căn hộ;
- P. KTTC, P. TT&KDXNK;
- P. ĐTTC, P. PC&KSNB;
- Lưu VT, P.KHĐT;



TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Quốc Khánh

PHỤ LỤC

(Kèm theo Thông báo số: 210 /TCT-KHĐT ngày 01 / 3 /2022 của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - CTCP)

STT	Tòa nhà	Căn hộ	Tầng	Số phòng ngủ	Diện tích (m ²)	Số GCNQSD	Đơn giá (đồng/m ²) (đã bao gồm tiền sử dụng đất)	Giá đã bao gồm tiền sử dụng đất, chưa gồm kinh phí bảo trì và thuế GTGT (đồng)	Kinh phí bảo trì (đồng)	Thuế GTGT (đồng)	Giá khởi điểm (đồng) (đã bao gồm thuế GTGT và kinh phí bảo trì)	Đơn giá khởi điểm (đồng/m ²) (đã bao gồm thuế GTGT và kinh phí bảo trì)
1	HH02	1801A	18	2	67,3	CV 468661	29.942.466	2.015.127.942	40.302.559	193.466.299	2.248.896.800	33.416.000
2		1802A	18	3	94,2	CV 468662	27.471.930	2.587.855.806	51.757.116	247.522.878	2.887.135.800	30.649.000
3		1803A	18	3	105,7	CV 468663	28.317.466	2.993.156.126	59.863.123	286.677.951	3.339.697.200	31.596.000
4		1804A	18	2	75,0	CV 468664	29.928.180	2.244.613.500	44.892.270	215.494.230	2.505.000.000	33.400.000
5		1805A	18	2	74,6	CV 468665	29.928.180	2.232.642.228	44.652.845	214.344.927	2.491.640.000	33.400.000
6		1806A	18	3	102,9	CV 468667	29.392.466	3.024.484.722	60.489.694	290.145.584	3.375.120.000	32.800.000
7		1807A	18	2	75,8	CV 468669	28.670.144	2.173.196.937	43.463.939	208.256.924	2.424.917.800	31.991.000
8		1808A	18	2	75,8	CV 468670	28.670.144	2.173.196.937	43.463.939	208.256.924	2.424.917.800	31.991.000
9		1809A	18	3	84,7	CV 468671	28.954.966	2.452.485.596	49.049.712	235.121.692	2.736.657.000	32.310.000
10		1810A	18	2	69,1	CV 468672	29.216.573	2.018.865.185	40.377.304	193.624.811	2.252.867.300	32.603.000
11		1811A	18	2	69,6	CV 468673	28.926.394	2.013.277.043	40.265.541	193.006.216	2.246.548.800	32.278.000
12		1901A	19	2	67,2	CV 468674	29.763.894	2.000.133.696	40.002.674	191.978.830	2.232.115.200	33.216.000
13		1902A	19	3	94,4	CV 468675	27.221.930	2.569.750.192	51.395.004	245.688.404	2.866.833.600	30.369.000
14	HH02	1903A	19	3	105,7	CV 468676	28.059.430	2.965.881.751	59.317.635	283.950.514	3.309.149.900	31.307.000

STT	Tòa nhà	Căn hộ	Tầng	Số phòng ngủ	Diện tích (m ²)	Số GCNQSD	Đơn giá (đồng/m ²) (đã bao gồm tiền sử dụng đất)	Giá đã bao gồm tiền sử dụng đất, chưa gồm kinh phí bảo trì và thuế GTGT (đồng)	Kinh phí bảo trì (đồng)	Thuế GTGT (đồng)	Giá khởi điểm (đồng) (đã bao gồm thuế GTGT và kinh phí bảo trì)	Đơn giá khởi điểm (đồng/m ²) (đã bao gồm thuế GTGT và kinh phí bảo trì)	
15		1904A	19	2	74,8	CV 468677	29.749.609	2.225.270.721	44.505.414	213.583.865	2.483.360.000	33.200.000	
16		1905A	19	2	74,9	CV 468678	29.749.609	2.228.245.682	44.564.914	213.869.404	2.486.680.000	33.200.000	
17		1906A	19	3	102,9	CV 468679	29.124.609	2.996.922.222	59.938.444	287.389.334	3.344.250.000	32.500.000	
18		1907A	19	2	75,8	CV 468680	28.498.716	2.160.202.651	43.204.053	206.957.496	2.410.364.200	31.799.000	
19		1908A	19	2	75,8	CV 468681	28.498.716	2.160.202.651	43.204.053	206.957.496	2.410.364.200	31.799.000	
20		1909A	19	3	85,0	CV 468682	28.781.751	2.446.448.872	48.928.977	234.482.151	2.729.860.000	32.116.000	
21		1910A	19	2	69,1	CV 468683	29.042.466	2.006.834.381	40.136.688	192.421.731	2.239.392.800	32.408.000	
22		1911A	19	2	69,5	CV 468685	28.753.180	1.998.346.010	39.966.920	191.525.070	2.229.838.000	32.084.000	
23		2001A	20	2	67,3	CV 468686	29.585.323	1.991.092.228	39.821.845	191.062.727	2.221.976.800	33.016.000	
24		2002A	20	3	94,3	CV 468687	26.721.037	2.519.793.802	50.395.876	240.704.722	2.810.894.400	29.808.000	
25		2003A	20	3	105,5	CV 468689	27.543.359	2.905.824.329	58.116.487	277.968.684	3.241.909.500	30.729.000	
26		2004A	20	2	74,9	CV 468690	29.571.037	2.214.870.682	44.297.414	212.531.904	2.471.700.000	33.000.000	
27		2005A	20	2	75,0	CV 468691	29.571.037	2.217.827.786	44.356.556	212.815.658	2.475.000.000	33.000.000	
28		2006A	20	3	102,6	CV 468692	28.588.894	2.933.220.554	58.664.411	281.055.035	3.272.940.000	31.900.000	
29		HH02	2007A	20	2	75,8	CV 468693	28.328.180	2.147.276.044	42.945.521	205.664.835	2.395.886.400	31.608.000
30			2008A	20	2	75,8	CV 468694	28.328.180	2.147.276.044	42.945.521	205.664.835	2.395.886.400	31.608.000



STT	Tòa nhà	Căn hộ	Tầng	Số phòng ngủ	Diện tích (m ²)	Số GCNQSD	Đơn giá (đồng/m ²) (đã bao gồm tiền sử dụng đất)	Giá đã bao gồm tiền sử dụng đất, chưa gồm kinh phí bảo trì và thuế GTGT (đồng)	Kinh phí bảo trì (đồng)	Thuế GTGT (đồng)	Giá khởi điểm (đồng) (đã bao gồm thuế GTGT và kinh phí bảo trì)	Đơn giá khởi điểm (đồng/m ²) (đã bao gồm thuế GTGT và kinh phí bảo trì)
31		2009A	20	3	84,7	CV 468695	28.609.430	2.423.218.721	48.464.374	232.195.005	2.703.878.100	31.923.000
32		2010A	20	2	69,1	CV 468696	28.868.359	1.994.803.577	39.896.072	191.218.651	2.225.918.300	32.213.000
33		2011A	20	2	69,4	CV 468697	28.580.859	1.983.511.585	39.670.232	190.053.583	2.213.235.400	31.891.000
34		1801B	18	2	67,1	CV 468698	29.928.180	2.008.180.878	40.163.618	192.795.504	2.241.140.000	33.400.000
35		1802B	18	3	94,2	CV 468699	28.317.466	2.667.505.270	53.350.105	255.487.825	2.976.343.200	31.596.000
36		1803B	18	3	105,5	CV 468700	27.471.930	2.898.288.615	57.965.772	277.215.113	3.233.469.500	30.649.000
37		1804B	18	2	74,8	CV 508760	29.942.466	2.239.696.435	44.793.929	215.026.436	2.499.516.800	33.416.000
38		1805B	18	2	74,8	CV 508761	29.942.466	2.239.696.435	44.793.929	215.026.436	2.499.516.800	33.416.000
39	HH02	1806B	18	3	102,5	CV 508762	28.588.894	2.930.361.665	58.607.233	280.781.102	3.269.750.000	31.900.000
40		1807B	18	2	75,8	CV 508763	28.670.144	2.173.196.937	43.463.939	208.256.924	2.424.917.800	31.991.000
41		1808B	18	2	75,8	CV 508764	28.670.144	2.173.196.937	43.463.939	208.256.924	2.424.917.800	31.991.000
42		1809B	18	3	84,7	CV 508765	28.954.966	2.452.485.596	49.049.712	235.121.692	2.736.657.000	32.310.000
43		1810B	18	2	69,1	CV 508766	29.216.573	2.018.865.185	40.377.304	193.624.811	2.252.867.300	32.603.000
44		1811B	18	2	69,6	CV 508767	28.926.394	2.013.277.043	40.265.541	193.006.216	2.246.548.800	32.278.000
45	HH02	1901B	19	2	67,4	CV 508768	29.749.609	2.005.123.618	40.102.472	192.453.910	2.237.680.000	33.200.000
46		1902B	19	3	94,4	CV 508769	28.059.430	2.648.810.192	52.976.204	253.594.404	2.955.380.800	31.307.000

STT	Tòa nhà	Căn hộ	Tầng	Số phòng ngủ	Diện tích (m ²)	Số GCNQSD	Đơn giá (đồng/m ²) (đã bao gồm tiền sử dụng đất)	Giá đã bao gồm tiền sử dụng đất, chưa gồm kinh phí bảo trì và thuế GTGT (đồng)	Kinh phí bảo trì (đồng)	Thuế GTGT (đồng)	Giá khởi điểm (đồng) (đã bao gồm thuế GTGT và kinh phí bảo trì)	Đơn giá khởi điểm (đồng/m ²) (đã bao gồm thuế GTGT và kinh phí bảo trì)
47		1903B	19	3	105,3	CV 508770	27.221.930	2.866.469.229	57.329.385	274.057.086	3.197.855.700	30.369.000
48		1904B	19	2	74,8	CV 508771	29.763.894	2.226.339.293	44.526.786	213.690.721	2.484.556.800	33.216.000
49		1905B	19	2	74,9	CV 508772	29.763.894	2.229.315.682	44.586.314	213.976.404	2.487.878.400	33.216.000
50		1906B	19	3	102,7	CV 508773	28.328.180	2.909.304.086	58.186.082	278.651.432	3.246.141.600	31.608.000
51		1907B	19	2	75,7	CV 508774	28.498.716	2.157.352.779	43.147.056	206.684.465	2.407.184.300	31.799.000
52		1908B	19	2	75,8	CV 508775	28.498.716	2.160.202.651	43.204.053	206.957.496	2.410.364.200	31.799.000
53		1909B	19	3	85,0	CV 508776	28.781.751	2.446.448.872	48.928.977	234.482.151	2.729.860.000	32.116.000
54		1910B	19	2	69,0	CV 508777	29.042.466	2.003.930.134	40.078.603	192.143.263	2.236.152.000	32.408.000
55		1911B	19	2	69,4	CV 508778	28.753.180	1.995.470.692	39.909.414	191.249.494	2.226.629.600	32.084.000
56		2001B	20	2	67,1	CV 508779	29.571.037	1.984.216.592	39.684.332	190.399.076	2.214.300.000	33.000.000
57		2002B	20	3	94,3	CV 508780	27.543.359	2.597.338.713	51.946.774	248.459.213	2.897.744.700	30.729.000
58		2003B	20	3	105,5	CV 508781	26.721.037	2.819.069.418	56.381.388	269.293.194	3.144.744.000	29.808.000
59		2004B	20	2	74,9	CV 508782	29.585.323	2.215.940.682	44.318.814	212.638.904	2.472.898.400	33.016.000
60		HH02	2005B	20	2	74,8	CV 508783	29.585.323	2.212.982.150	44.259.643	212.355.007	2.469.596.800
61	2006B		20	3	102,8	CV 508784	27.806.751	2.858.534.047	57.170.681	273.562.472	3.189.267.200	31.024.000



STT	Tòa nhà	Căn hộ	Tầng	Số phòng ngủ	Diện tích (m ²)	Số GCNQSD	Đơn giá (đồng/m ²) (đã bao gồm tiền sử dụng đất)	Giá đã bao gồm tiền sử dụng đất, chưa gồm kinh phí bảo trì và thuế GTGT (đồng)	Kinh phí bảo trì (đồng)	Thuế GTGT (đồng)	Giá khởi điểm (đồng) (đã bao gồm thuế GTGT và kinh phí bảo trì)	Đơn giá khởi điểm (đồng/m ²) (đã bao gồm thuế GTGT và kinh phí bảo trì)
62		2007B	20	2	75,9	CV 508785	28.328.180	2.150.108.862	43.002.177	205.936.161	2.399.047.200	31.608.000
63		2008B	20	2	75,7	CV 508786	28.328.180	2.144.443.226	42.888.865	205.393.509	2.392.725.600	31.608.000
64		2009B	20	3	84,8	CV 508787	28.609.430	2.426.079.664	48.521.593	232.469.143	2.707.070.400	31.923.000
65		2010B	20	2	69,2	CV 508788	28.868.359	1.997.690.413	39.953.808	191.495.379	2.229.139.600	32.213.000
66		2011B	20	2	69,5	CV 508789	28.580.859	1.986.369.671	39.727.393	190.327.436	2.216.424.500	31.891.000
67		1801A	18	3	103,3	CV 508790	28.901.805	2.985.556.494	59.711.130	286.157.376	3.331.425.000	32.250.000
68		1802A	18	3	95,7	CV 508791	29.966.984	2.867.840.362	57.356.807	275.297.931	3.200.495.100	33.443.000
69		1803A	18	2	74,6	CV 508792	29.750.020	2.219.351.465	44.387.029	212.981.506	2.476.720.000	33.200.000
70		1804A	18	2	74,3	CV 508793	29.750.020	2.210.426.459	44.208.529	212.125.012	2.466.760.000	33.200.000
71	HH03	1805A	18	3	89,8	CV 508794	30.262.520	2.717.574.264	54.351.485	260.979.451	3.032.905.200	33.774.000
72		1806A	18	2	52,7	CV 508796	29.335.734	1.545.993.178	30.919.864	148.274.158	1.725.187.200	32.736.000
73		1807A	18	2	62,9	CV 508799	28.762.520	1.809.162.485	36.183.250	173.366.865	2.018.712.600	32.094.000
74		1808A	18	2	73,2	CV 508800	28.189.305	2.063.457.152	41.269.143	197.560.105	2.302.286.400	31.452.000
75		1809A	18	3	95,1	CV 337601	27.927.698	2.655.924.100	53.118.482	254.178.318	2.963.220.900	31.159.000
76	HH03	1901A	19	3	103,2	CV 337602	28.541.091	2.945.440.598	58.908.812	282.157.790	3.286.507.200	31.846.000

STT	Tòa nhà	Căn hộ	Tầng	Số phòng ngủ	Diện tích (m ²)	Số GCNQSD	Đơn giá (đồng/m ²) (đã bao gồm tiền sử dụng đất)	Giá đã bao gồm tiền sử dụng đất, chưa gồm kinh phí bảo trì và thuế GTGT (đồng)	Kinh phí bảo trì (đồng)	Thuế GTGT (đồng)	Giá khởi điểm (đồng) (đã bao gồm thuế GTGT và kinh phí bảo trì)	Đơn giá khởi điểm (đồng/m ²) (đã bao gồm thuế GTGT và kinh phí bảo trì)	
77		1902A	19	3	95,7	CV 337603	29.593.770	2.832.123.755	56.642.475	271.726.270	3.160.492.500	33.025.000	
78		1903A	19	2	74,2	CV 337604	29.482.163	2.187.576.458	43.751.529	209.852.013	2.441.180.000	32.900.000	
79		1904A	19	2	74,4	CV 337605	29.482.163	2.193.472.890	43.869.458	210.417.652	2.447.760.000	32.900.000	
80		1905A	19	3	89,7	CV 337606	29.885.734	2.680.750.334	53.615.007	257.309.059	2.991.674.400	33.352.000	
81		1906A	19	2	52,6	CV 337607	29.071.448	1.529.158.176	30.583.164	146.602.660	1.706.344.000	32.440.000	
82		1907A	19	2	62,5	CV 337636	28.503.591	1.781.474.442	35.629.489	170.646.069	1.987.750.000	31.804.000	
83		1908A	19	2	73,1	CV 337609	27.935.734	2.042.102.150	40.842.043	195.436.607	2.278.380.800	31.168.000	
84		1909A	19	3	94,6	CV 337610	27.675.913	2.618.141.323	52.362.826	250.460.051	2.920.964.200	30.877.000	
85		2004A	20	2	74,6	CV 337611	29.125.020	2.172.726.465	43.454.529	208.319.006	2.424.500.000	32.500.000	
86		2005A	20	3	89,9	CV 337612	29.839.305	2.682.553.552	53.651.071	257.465.377	2.993.670.000	33.300.000	
87		2006A	20	2	53,0	CV 337613	28.719.663	1.522.142.113	30.442.842	145.853.045	1.698.438.000	32.046.000	
88		2008A	20	2	73,2	CV 337614	27.597.341	2.020.125.366	40.402.507	193.226.927	2.253.754.800	30.789.000	
89		1801B	18	3	103,2	CV 337615	28.678.591	2.959.630.598	59.192.612	283.576.790	3.302.400.000	32.000.000	
90		1802B	18	3	95,6	CV 337616	28.901.805	2.763.012.592	55.260.252	264.827.156	3.083.100.000	32.250.000	
91		1803B	18	2	74,5	CV 337617	28.178.591	2.099.305.035	41.986.101	200.988.864	2.342.280.000	31.440.000	
92		HH03	1804B	18	2	73,8	CV 337618	28.178.591	2.079.580.021	41.591.600	199.100.379	2.320.272.000	31.440.000
93			1805B	18	3	89,8	CV 337619	28.178.591	2.530.437.478	50.608.750	242.265.772	2.823.312.000	31.440.000



STT	Tòa nhà	Căn hộ	Tầng	Số phòng ngủ	Diện tích (m ²)	Số GCNQSD	Đơn giá (đồng/m ²) (đã bao gồm tiền sử dụng đất)	Giá đã bao gồm tiền sử dụng đất, chưa gồm kinh phí bảo trì và thuế GTGT (đồng)	Kinh phí bảo trì (đồng)	Thuế GTGT (đồng)	Giá khởi điểm (đồng) (đã bao gồm thuế GTGT và kinh phí bảo trì)	Đơn giá khởi điểm (đồng/m ²) (đã bao gồm thuế GTGT và kinh phí bảo trì)
94		1806B	18	2	52,7	CV 337620	29.335.734	1.545.993.178	30.919.864	148.274.158	1.725.187.200	32.736.000
95		1807B	18	2	62,6	CV 337621	28.762.520	1.800.533.729	36.010.675	172.539.996	2.009.084.400	32.094.000
96		1808B	18	2	73,2	CV 337622	28.189.305	2.063.457.152	41.269.143	197.560.105	2.302.286.400	31.452.000
97		1809B	18	3	95,1	CV 337623	27.927.698	2.655.924.100	53.118.482	254.178.318	2.963.220.900	31.159.000
98		2008B	20	2	73,2	CV 337634	27.597.341	2.020.125.366	40.402.507	193.226.927	2.253.754.800	30.789.000
Tổng cộng					7.893,0			226.823.220.695	4.536.464.419	21.737.459.386	253.097.144.500	

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2022

PHIẾU XIN Ý KIẾN

V/v thông báo lựa chọn đơn vị tổ chức đấu giá các căn hộ của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – công ty cổ phần tại dự án Nhà ở cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ Eco Lakeview, 32 Đại Từ, Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội

Kính gửi: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016;

Căn cứ Nghị quyết số 26NQ/HĐQT ngày 21/02/2022 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – công ty cổ phần về việc phê duyệt phương án bán và giá khởi điểm các căn hộ của Tổng công ty tại Dự án Nhà ở cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ Eco Lakeview, 32 Đại Từ, Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội;

Tổng giám đốc xin ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị về cách thức lựa chọn đơn vị tổ chức đấu giá các căn hộ của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – công ty cổ phần tại dự án Nhà ở cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ Eco Lakeview, 32 Đại Từ, Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội như sau:

1. Công khai Thông báo lựa chọn tổ chức đấu giá:

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản năm 2016 và văn bản số 1033/BTP-BTTP của Bộ Tư pháp ngày 23/3/2020 v/v triển khai chính thức Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản.

Việc Thông báo lựa chọn tổ chức đấu giá 98 căn hộ của Tổng công ty tại Tòa nhà HH02 và HH03 thuộc dự án Nhà ở cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ Eco Lakeview, 32 Đại Từ, Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội sẽ phải đăng công khai trên Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản (<https://dgts.moj.gov.vn/>) và website của Tổng công ty (<http://vinafor.com.vn/>).

2. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản:

Mọi tổ chức bán đấu giá đều được tham gia theo tiêu chí dưới đây:

- Phải có đầy đủ các tiêu chí theo quy định tại khoản 4 điều 56 Luật đấu giá tài sản ngày 17/11/2016 và các văn bản khác có liên quan; các tiêu chí khác do Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam- CTCP quy định: cụ thể Các tổ chức đấu giá tài sản có nhu cầu nộp hồ sơ đăng ký và Tổ chức đấu giá phải đáp ứng những tiêu chí sau:

a) Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố;

b) Cơ sở vật chất:

- Có cơ sở vật chất đảm bảo để phục vụ cuộc đấu giá và các thiết bị phụ trợ cần thiết như: loa đài, ánh sáng, điều hòa, quạt, bàn ghế, nước uống,... Đủ điều kiện để tổ chức cuộc đấu giá; có phương án thực hiện các biện pháp phòng chống Covid-19 theo quy định.

- Đơn vị đấu giá phải có ít nhất 3 đấu giá viên trở lên tham gia tổ chức đấu giá. Trong đó các đấu giá viên phải có chứng chỉ hành nghề đấu giá theo quy định, có kinh nghiệm điều hành đấu giá tài sản từ 1 năm trở lên.

c) Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả: Tư vấn phương án đấu giá khả thi, hiệu quả và có thời gian ngắn nhất để cuộc đấu giá đạt được kết quả tốt nhất có thể.

d) Đề xuất phương án giải quyết phát sinh trước, trong và sau phiên đấu giá.

e) Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá: Doanh nghiệp phải hoạt động đấu giá trên địa bàn Hà Nội ít nhất là 03 năm kinh nghiệm điều hành thực tế.

f) Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp.

3. Hồ sơ đăng ký của tổ chức đấu giá:

a) Hồ sơ năng lực của tổ chức theo quy định.

+ Đối với tổ chức lần đầu đăng ký phải xuất trình giấy tờ chứng minh về trụ sở của doanh nghiệp đấu giá tài sản, Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Chứng chỉ hành nghề đấu giá của chủ doanh nghiệp đấu giá tư nhân, Chứng chỉ hành nghề đấu giá của thành viên hợp danh, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của công ty đấu giá hợp danh; Các Hợp đồng bán đấu giá căn hộ chung cư hoặc quyền sử dụng đất đã thực hiện.

+ Bản cam kết bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết cho hoạt động đấu giá tài sản.

b) Văn bản đề nghị được thực hiện cuộc đấu giá tài sản.

c) Phương án đấu giá khả thi và thù lao dịch vụ đấu giá.

d) Đề xuất phương án giải quyết phát sinh trước, trong và sau phiên đấu giá

e) Dự toán chi phí tổ chức thực hiện cuộc đấu giá.

4. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký của các tổ chức đấu giá.

a) Thời gian dự kiến: Sau 5 ngày làm việc kể từ ngày phát hành thông báo.

b) Địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá:

- Địa điểm nộp hồ sơ đăng ký: tại văn phòng Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – công ty cổ phần – Tầng 14, Tòa nhà Vinafor, số 127 phố Lò Đúc, phường Đồng Mác, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

- Điện thoại: 0204.36410799/143

c) Hình thức nộp hồ sơ: Nộp trực tiếp hoặc nộp qua đường bưu điện.

5. Cách thức lựa chọn tổ chức đấu giá:

Đề xuất Tổng công ty thuê đơn vị tư vấn xây dựng thang điểm, đánh giá hồ sơ đăng ký và chấm điểm lựa chọn tổ chức đấu giá. Trên cơ sở kết quả đánh giá hồ sơ của đơn vị tư vấn, Tổng công ty sẽ quyết định lựa chọn tổ chức đấu giá.

(Có dự thảo Thông báo lựa chọn đơn vị tổ chức đấu giá kèm theo)

Kính trình Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét, cho ý kiến./.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Quốc Khánh

Ý KIẾN CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v lựa chọn đơn vị tổ chức đấu giá các căn hộ của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – công ty cổ phần tại dự án Nhà ở cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ Eco Lakeview, 32 Đại Từ, Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội

Kính gửi: Tổng giám đốc

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016;

Căn cứ Nghị quyết số 25NQ/HĐQT ngày 21/02/2022 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – công ty cổ phần về việc phê duyệt phương án bán và giá khởi điểm các căn hộ của Tổng công ty tại Dự án Nhà ở cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ Eco Lakeview, 32 Đại Từ, Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội;

Ban Quản lý và kinh doanh căn hộ và các Phòng kính trình Tổng giám đốc xem xét, phê duyệt cách thức lựa chọn đơn vị tổ chức đấu giá các căn hộ của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – công ty cổ phần tại dự án Nhà ở cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ Eco Lakeview, 32 Đại Từ, Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội với các nội dung chính như sau:

1. Công khai Thông báo lựa chọn tổ chức đấu giá:

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản năm 2016 và văn bản số 1033/BTP-BTTP của Bộ Tư pháp ngày 23/3/2020 v/v triển khai chính thức Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản.

Việc Thông báo lựa chọn tổ chức đấu giá 98 căn hộ của Tổng công ty tại Tòa nhà HH02 và HH03 thuộc dự án Nhà ở cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ Eco Lakeview, 32 Đại Từ, Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội sẽ phải đăng công khai trên Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản (<https://dgts.moj.gov.vn/>) và website của Tổng công ty (<http://vinafor.com.vn/>).

2. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản:

Mọi tổ chức bán đấu giá đều được tham gia theo tiêu chí dưới đây:

- Phải có đầy đủ các tiêu chí theo quy định tại khoản 4 điều 56 Luật đấu giá tài sản ngày 17/11/2016 và các văn bản khác có liên quan; các tiêu chí khác do Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam- CTCP quy định cụ thể: Các tổ chức đấu giá tài sản có nhu cầu nộp hồ sơ đăng ký và Tổ chức đấu giá phải đáp ứng những tiêu chí sau:

a) Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố;

b) Cơ sở vật chất:

- Có cơ sở vật chất đảm bảo để phục vụ cuộc đấu giá và các thiết bị phụ trợ cần thiết như: loa đài, ánh sáng, điều hòa, quạt, bàn ghế, nước uống,... Đủ điều kiện để tổ chức cuộc đấu giá; có phương án thực hiện các biện pháp phòng chống Covid-19 theo quy định.

- Đơn vị đấu giá phải có ít nhất 3 đấu giá viên trở lên tham gia tổ chức đấu giá. Trong đó các đấu giá viên phải có chứng chỉ hành nghề đấu giá theo quy định, có kinh nghiệm điều hành đấu giá tài sản từ 1 năm trở lên.

c) Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả: Tư vấn phương án đấu giá khả thi, hiệu quả và có thời gian ngắn nhất để cuộc đấu giá đạt được kết quả tốt nhất có thể.

d) Đề xuất phương án giải quyết phát sinh trước, trong và sau phiên đấu giá.

e) Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá: Doanh nghiệp phải hoạt động đấu giá trên địa bàn Hà Nội ít nhất là 03 năm kinh nghiệm điều hành thực tế.

f) Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp.

3. Hồ sơ đăng ký của tổ chức đấu giá:

a) Hồ sơ năng lực của tổ chức theo quy định.

+ Đối với tổ chức lần đầu đăng ký phải xuất trình giấy tờ chứng minh về trụ sở của doanh nghiệp đấu giá tài sản, Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Chứng chỉ hành nghề đấu giá của chủ doanh nghiệp đấu giá tư nhân, Chứng chỉ hành nghề đấu giá của thành viên hợp danh, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của công ty đấu giá hợp danh; Các Hợp đồng bán đấu giá căn hộ chung cư hoặc quyền sử dụng đất đã thực hiện.

+ Bản cam kết bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết cho hoạt động đấu giá tài sản.

b) Văn bản đề nghị được thực hiện cuộc đấu giá tài sản.

c) Phương án đấu giá khả thi và thù lao dịch vụ đấu giá.

d) Đề xuất phương án giải quyết phát sinh trước, trong và sau phiên đấu giá

e) Dự toán chi phí tổ chức thực hiện cuộc đấu giá.

4. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký của các tổ chức đấu giá.

a) Thời gian dự kiến: Sau 5 ngày làm việc kể từ ngày phát hành thông báo.

b) Địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá:

- Địa điểm nộp hồ sơ đăng ký: tại văn phòng Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – công ty cổ phần – Tầng 14, Tòa nhà Vinafor, số 127 phố Lò Đúc, phường Đồng Mác, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

- Điện thoại: 0204.36410799/143

c) Hình thức nộp hồ sơ: Nộp trực tiếp hoặc nộp qua đường bưu điện.

5. Cách thức lựa chọn tổ chức đấu giá:

Đề xuất Tổng công ty thuê đơn vị tư vấn xây dựng thang điểm, đánh giá hồ sơ đăng ký và chấm điểm lựa chọn tổ chức đấu giá. Trên cơ sở kết quả đánh giá hồ sơ của đơn vị tư vấn, Tổng công ty sẽ quyết định lựa chọn tổ chức đấu giá.

(Có dự thảo Thông báo lựa chọn tổ chức đấu giá kèm theo)

Kính trình Tổng giám đốc xem xét, quyết định./.

**BAN QUẢN LÝ VÀ KINH DOANH
CĂN HỘ**

1. Trưởng ban - Ông Nguyễn Trung Kiên



2. Ông Mai Quý Quảng



3. Ông Phạm Hải Anh

4. Ông Trần Anh Dũng



5. Ông Chử Đức Toàn



6. Ông Lê Hồng Quân

7. Ông Trình Minh Thành

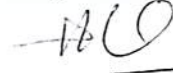


8. Bà Nguyễn Thị Phong Lan



Ý KIẾN CỦA CÁC PHÒNG

1. Phòng KHĐT

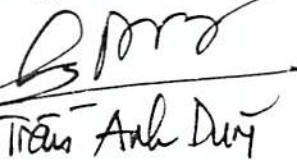


2. Phòng KTTT



3. Phòng TT&KDXNK

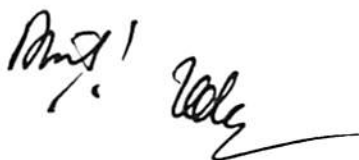
4. Phòng ĐTTC



5. Phòng PC&KSNB



Hồ Quốc Hoàn



15:09



< Lê Quốc Khánh



00:21

14:54 Hôm nay



Thông báo lựa chọn tổ chức
đầu gia các cán bộ

PDF - 1,8 MB



TỔNG CÔNG TY LÂM NGHIỆP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
Số: NQ/HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng 02 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Về phê duyệt phương án bán và giá khởi điểm của các căn hộ của Tổng công ty tại
Dự án Nhà ở cao tầng kết hợp dịch vụ thương mại Ecolakeview tại số
32 Đại Từ, Hoàng Mai, Hà Nội



25.2.2022. Dự thảo Nghị quyết

MỞ

PDF - 326 KB ✓



Em xin ý kiến sếp về dùng chữ kí số ký 2
văn bản này ạ

Bản gốc kí sau ạ

Bạn đã huỷ

📞 Cuộc gọi thoại

GỌI LẠI

14:55



Tôi nhất trí!

15:08



Tin nhắn

